

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 21-9-2020  
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Châu

Ông Phạm Bá Lân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019, về việc: “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim L - sinh năm 1982; cư trú tại tổ 13 (nay là tổ 05) phường Q, thành Phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D - sinh năm 1972; cư trú tại số 24 W, nc 28704, Hoa kỳ.

(Chị L có mặt, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2019, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67/2014, quyển số C1/2013 vào ngày 17/11/2014. Chị và anh D chỉ hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D sinh sống ở Hoa Kỳ, còn chị sinh sống ở Việt

Nam. Vợ chồng không chung sống với nhau, nên tình cảm không còn, hạnh phúc gia đình không có và bất đồng quan điểm sống. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

\* *Tại Văn bản ghi ý kiến, bị đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày:* Anh thống nhất với trình bày của chị Nguyễn Thị Kim L về quan hệ hôn nhân. Anh và chị L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh và chị L chỉ chung sống với nhau được 01 tuần thì anh quay trở lại Hoa Kỳ làm việc, còn chị L sinh sống ở Việt Nam. Anh đã cố gắng hoàn tất các thủ tục để đưa chị L sang Hoa Kỳ nhưng do chị L phỏng vấn không đạt nên không thể đáp ứng điều kiện sang Hoa Kỳ. Từ đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không liên lạc với nhau một thời gian dài. Do sống xa nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, không còn quan tâm lẫn nhau. Nay, chị L yêu cầu được ly hôn với anh, thì anh đồng ý. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

\* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo qui định tại Điều 48, 51, 97, 196, 199, 208, 210, 470, 476 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền thụ lý vụ án, về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách của những người tham gia tố tụng, về thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 196, 199, 470, 474, 476, 478 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 56, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/11/2014 nên hôn nhân của chị L và anh D là hợp pháp.

Chị L và anh D đều thừa nhận sau khi kết hôn anh, chị chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn (khoảng một tuần) thì anh D quay trở lại Hoa Kỳ sinh sống, làm việc, còn chị L thì sinh sống ở Việt Nam; vợ chồng không chung sống gần nhau nên ít có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau, bất đồng quan điểm; tình cảm vợ chồng ngày phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt. Nay, chị L yêu cầu được ly hôn, anh D đồng ý. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh D.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Văn D đều xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Về chi phí tố tụng khác: Chi phí ủy thác tư pháp và chi phí dịch thuật, tổng cộng là 3.525.900 đồng, chị L tự nguyện chịu, chị L đã nộp xong.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định trên, được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Văn D trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn) theo Biên lai số AA/2016/0004794

ngày 17/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị Nguyễn Thị Kim L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí ủy thác tư pháp và chi phí dịch thuật, tổng cộng là 3.525.900 đồng (ba triệu, năm trăm hai mươi lăm ngàn, chín trăm), chị Nguyễn Thị Kim L tự nguyện chịu, chị L đã nộp xong.

Chị Nguyễn Thị Kim L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn D không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trịnh Thị Thu Lan**